

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Ng, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 5, VT, xã THo, huyện NQ, tỉnh NB. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Ng, thị trấn Ch (trước là xã Ng Hô), huyện LNg, tỉnh BG.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Ng trình bày:

Chị và anh T đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Phượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới thì chị và anh T về chung sống với nhau Ng tại Thông nghĩa, xã nghĩa Hô (nay là tổ dân phố Nghĩa, thị trấn Chũ) huyện Lục Ngạn.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, trong làm ăn kinh tế, không biết cách quan tâm đến nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Do vậy, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vi Minh A, sinh năm 29/12/2010. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản làm việc ngày 06/5/2020, bà Ngô Thị Thiết là mẹ kế của anh T, bà Thiết trình bày:

Bà là mẹ kế của anh T, bà kết hôn với bố anh T từ năm 2001 và sống cùng anh T từ đó.

Anh T kết hôn với chị Ng năm 2010, hai vợ chồng sống cùng bà được 4 tháng thì vợ chồng bà cho anh T, chị Ng ra ở riêng Ng cạnh nhà bà. Thời gian từ năm 2010 đến năm 2012, chị Ng và Anh T đi làm ăn ở miền Nam, thỉnh thoảng mới về. Khoảng năm 2013-2014, anh T đi chấp hành án, chị Ng gửi cháu Minh Anh là con của anh T và chị Ng cho bà trông để chị Ng đi làm, chị Ng vẫn thường xuyên về thăm nom con, cháu Minh Anh ở với bà đến năm 2016 (khi cháu chuẩn bị vào lớp 1) thì chị Ng đưa cháu Minh Anh về nhà ông bà Ng ở Ninh Bình sống.

Sau khi anh T đi chấp hành án về thì chị Ng và anh T vẫn sống chung, đến năm 2016, chị Ng về Ninh Bình thì vợ chồng chị Ng, anh T mới không ở chung nữa. Từ năm 2016 đến năm 2018, anh T đi làm ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Trung Quốc, miền Nam, ngày nghỉ, ngày lễ, tết anh T lại về nhà. Từ cuối năm 2018 đến giữa năm 2019, anh T ở Bắc Giang. Từ cuối tháng 8/2019, anh T bỏ đi làm ăn ở đâu thì bà không rõ, anh T không liên lạc gì với gia đình cũng không về nhà lần nào.

Vợ chồng chị Ng, anh T có mâu thuẫn cụ thể gì thì bà không biết. Về việc chị Ng xin ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà cho rằng anh T và chị Ng không có nợ chung, không liên quan vay nợ chung. Nhà đất lúc trước hai vợ chồng anh T chị Ng ở là do vợ chồng bà mua cho chưa có giấy tờ gì.

Tại bản tự khai của cháu Vi Minh A ngày 06/02/2020: Cháu Vi Minh A trình bày: Khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Đinh Thị Ng.

Đối với bị đơn là anh Vi Văn T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà ngày 24/6/2020, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà xét xử vào ngày 09/7/2020.

Tại phiên toà ngày 09/7/2020, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử; Xử:

+ Chị Đinh Thị Ng được ly hôn anh Vi Văn T

+ Về con chung: Giao con chung Vi Minh A, sinh ngày 29/12/2010 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ng thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh T kết hôn năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương và theo trình bày của chị Ng thì cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Chị Ng xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Mặt khác, dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh T đều không lên Tòa án làm việc, điều đó chứng tỏ anh T cũng không còn muốn níu giữ quan hệ hôn nhân với chị Ng. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị Ng được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Ng và anh T có 01 con chung là Vi Minh A, sinh năm 29/12/2010. Ly hôn, chị Ng đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù, anh T không có quan điểm thể hiện việc có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung hay không, nhưng qua xác minh tại địa phương thì thấy cháu Minh Anh đang ở với chị Ng, phát triển khoẻ mạnh, bình thường. Đồng thời, cháu Minh Anh có nguyện vọng được sinh sống cùng chị Ng sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Vi Minh A cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quyền lợi cũng như nguyện vọng của con chung theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ng

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ng được ly hôn anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vi Minh A, sinh năm 29/12/2010 cho chị Đinh Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vi Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ng.

3. Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2019/00011510 ngày 06/02/2020. Xác nhận chị Ng đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Khiết